

Bản án số: 688/2023/DS-PT  
Ngày 27 tháng 9 năm 2023  
“V/v Tranh chấp di sản thừa kế và yêu  
cầu hủy di chúc trái pháp luật”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Nguyễn Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 624/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy di chúc trái pháp luật*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2310/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1957 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 287, Tổ 12, ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

1.2. Ông Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup>, sinh năm 1960 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 468B, khu phố Bình Thung, phường Bình An, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup>*: Ông Phạm Văn N (tên khác: Nguyễn Hoàng G), sinh năm 1942; Địa chỉ: Số 287, Tổ 8, ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 05/5/2015) – Có mặt;

1.3. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 84, Quốc lộ 1K, khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của ông Nguyễn Ngọc T*: Luật sư Trương Thị Hòa, Trưởng Văn phòng luật sư Trương Thị Hòa thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 92/4, khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L*: Ông Nguyễn H<sup>1</sup>, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 50/5, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2017) - Có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu T<sup>2</sup>, sinh năm 1968 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 159, Rue Francois Lefebvre, 4000 Rocourt Belgique (Bỉ);

3.2. Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1976 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 5/3, khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

*Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Tuấn K*: Ông Phạm Văn N (tên khác: Nguyễn Hoàng G), sinh năm 1942; Địa chỉ: Số 287, Tổ 8, ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018) - Có mặt;

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 29/7/2011 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn các ông, bà: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup>, Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Vợ chồng cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup>, Nguyễn Thị L<sup>2</sup> có 05 người con chung, gồm: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup> và Nguyễn Thị Thu T<sup>2</sup>.

Cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> có tài sản chung là căn nhà cấp 4 và diện tích 168 m<sup>2</sup> đất (đo đạc thực tế diện tích là 163,6 m<sup>2</sup>) thuộc Thửa đất số 80, Tờ bản đồ số 8, tọa lạc khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, do hộ cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2397 QSDĐ/CQ-ĐH ngày 10/5/2000.

Ngày 01/6/2005, cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> gọi bà H, bà L về để bàn việc lập tờ ủy quyền tài sản nhằm cho thuê, thế chấp căn nhà để lấy tiền lo thuốc thang, chăm sóc, lo hậu sự cho hai cụ, nên bà H nhất trí để cho bà L nhận đại diện ủy quyền nhà đất của cha mẹ tại số 5/3 khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương (sau đây viết tắt là nhà đất số 5/3 Tân Quý). Ngày 08/6/2005, bà L mời cơ quan chức năng đến nhà cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup> để lập tờ ủy quyền, nhưng thực chất bà L lập tờ di chúc. Ngày 10/6/2005, bà H phát hiện sự việc nên đã báo chính quyền, thì được hướng dẫn phải có đơn yêu cầu điều chỉnh, nhưng việc điều chỉnh chưa được xem xét thì cụ L<sup>2</sup> chết vào ngày 01/9/2005. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy di chúc, nhưng Tòa án trả đơn kiện thì cụ L<sup>1</sup> cũng chết vào ngày 16/02/2007.

Ngày 12/3/2007, bà L dùng di chúc để sang tên quyền sử dụng đất cho bà L, nhằm mục đích để chuyển nhượng cho người khác.

Cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> đều không biết chữ, nhưng di chúc không thể hiện người nào ghi hộ, ngày xác nhận di chúc cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup> ở nhà nên không thể đến Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa để xác nhận. Đơn xin giám định sức khỏe không có chữ ký của hai cụ. Bà L nói lập tờ ủy quyền, nhưng lại lừa dối cha mẹ lập tờ di chúc. Do đó, tờ Di chúc ngày 08/6/2005 là không hợp pháp.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Di chúc ngày 08/6/2005, chia thừa kế di sản của cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật, buộc ông T ngưng việc cho thuê tài sản, buộc bà K<sup>1</sup> trả lại di sản, giao lại cho ông T tiếp tục quản lý chờ Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống là đúng.

Khi cha mẹ còn sống có lập Di chúc được chứng thực số 04, quyển số 01-TB/CT-SCT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện (nay là thành phố) Dĩ An ký ngày 08/6/2005. Nội dung di chúc cha mẹ chỉ định cho bà L được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất để chăm sóc cha mẹ khi già yếu; Sau khi cha mẹ chết, nếu hoàn cảnh khó khăn thì có quyền bán nhà đất chia thành 08 phần: 05 phần chia cho 05 người con, 03 phần còn lại giao cho bà L vì có công chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, bà L có nghĩa vụ trích trong giá trị nhà đất ra 5.000.000 đồng để cho cháu ngoại là Nguyễn Tuấn K. Di chúc do cha mẹ lập khi hoàn toàn kinh mẫn, có thông báo đến các anh chị em trong nhà. Bà L chở cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> đến Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa để lập di chúc.

Sau khi cha mẹ chết, vào ngày 12/3/2007 bị đơn làm văn bản gửi đến Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa yêu cầu được mở thừa kế theo di chúc.

Di chúc của cha mẹ hoàn toàn hợp pháp, nên bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T<sup>2</sup> trình bày:* Nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống là đúng. Bà không tranh chấp tài sản cha mẹ để lại, tùy Tòa án giải quyết, nhưng nếu Tòa án xác định bà được nhận di sản của cha mẹ thì bà đồng ý nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn K trình bày:* Từ nhỏ anh đã sống chung với ông bà ngoại là cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup>. Anh không tranh chấp tài sản ông bà ngoại để lại, tùy Tòa án giải quyết, nhưng nếu Tòa án xác định anh được nhận di sản của ông bà ngoại thì anh đồng ý nhận.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2014/DS-ST ngày 24/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, sau khi thanh toán tiền thuốc thang, ma chay cho bà Nguyễn Thị Thu H 33.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị L 38.000.000 đồng và cho anh Nguyễn Tuấn K 5.000.000 đồng, số còn lại được chia thành 05 kỷ phần cho 05 người con của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup>, mỗi kỷ phần là 185.540.400 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2015/DS-PT ngày 05/3/2005 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:* Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2014/DS-ST ngày 24/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại sơ thẩm.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 20/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:* Không chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu hủy di chúc. Chia thừa kế di sản của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup> cho bà H, ông T, ông T<sup>1</sup>, bà T<sup>2</sup> mỗi người hưởng 207.362.337 đồng; bà L hưởng 829.449.500 đồng và anh K được 5.000.000 đồng.

Các nguyên đơn kháng cáo.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 85/2017/DS-PT ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:* Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 20/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại sơ thẩm.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Áp dụng các điều 26, 104, 153, 157, 162, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 641, 642, 649, 650, 652, 653, 655, 660 Bộ luật dân sự năm 1995; điểm

đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy di chúc do cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup>, cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> lập ngày 08/6/2005 và chia thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup>, cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> theo pháp luật của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup>.

2. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup>, cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> theo di chúc như sau:

- Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup>, bà Nguyễn Thị Thu T<sup>2</sup> mỗi người được hưởng di sản có giá trị là 350.661.437 đồng.

- Anh Nguyễn Tuấn K được hưởng di sản có giá trị 5.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L được hưởng di sản có giá trị 1.402.645.748 đồng.

Bà L được sở hữu, sử dụng diện tích đất 163,6 m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền trên đất bao gồm: 01 căn nhà tường, vách gạch, ốp gạch tường, nền gạch (có gác lửng), mái tole có diện tích 69,3 m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh ốp gạch tường, nền gạch, mái tole có diện tích 09 m<sup>2</sup>; mái che, ống sắt, nền gạch, không vách có diện tích 50,4 m<sup>2</sup>; 01 giếng khoan; 01 công tơ điện, tọa lạc tại 5/3 khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà H, bà T<sup>2</sup>, ông T<sup>1</sup>, mỗi người 350.661.437 đồng; thanh toán cho ông T 350.661.437 đồng + 346.162.000 đồng = 696.823.437 đồng; thanh toán cho anh K 5.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm giao lại toàn bộ diện tích đất 163,6 m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền trên đất bao gồm: 01 căn nhà tường, vách gạch, ốp gạch tường, nền gạch (có gác lửng), mái tole có diện tích 69,3 m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh ốp gạch tường, nền gạch, mái tole có diện tích 09 m<sup>2</sup>; mái che, ống sắt, nền gạch, không vách có diện tích 50,4 m<sup>2</sup>; 01 giếng khoan; 01 công tơ điện, tọa lạc tại 5/3 khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng trong thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng (chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc, định giá); về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại cho khách quan, vì cha mẹ ông không biết chữ, di chúc không có người viết hộ, không có người làm chứng, vi phạm khoản 2 Điều 636 Bộ luật dân sự, nhưng Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa vẫn chứng thực di chúc là không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, định giá lại tài sản, hủy di chúc của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup>, chia quyền sử dụng đất cho hộ gia đình xác lập tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao nhà đất cho ông T sở hữu, ông T sẽ hoàn giá trị cho các thừa kế.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Ông Phạm Văn N đại diện cho bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo yêu cầu hủy Di chúc ngày 08/6/2005 của cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup>; Chia thừa kế theo pháp luật; giao di sản cho ông T và ông T hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác.

Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu chia di sản thành 06 phần bằng nhau cho 05 người con của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup> và 01 phần cho anh Nguyễn Tuấn K.

Ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo yêu cầu hủy Di chúc ngày 08/6/2005 của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup>; chia đều di sản cho 05 anh chị em; giao di sản cho ông thì ông sẽ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác, vì trên đất này ông đã cất ngôi nhà thờ, quá trình quản lý sử dụng đất ông có nói rộng thêm diện tích và ông có ý nguyện sẽ làm nhà thờ dòng họ tại đây.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị xem xét khi lập di chúc thì giấy chứng minh nhân dân của cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> đều đã hết hạn, nên không đảm bảo điều kiện giấy tờ chứng minh về nhân thân của người lập di chúc; Pháp luật quy định người lập di chúc phải có tinh thần minh mẫn, nhưng Phiếu khám sức khỏe của cụ L<sup>2</sup> lại có 02 con dấu của 02 cơ quan khác nhau, 01 tờ có ghi về tình trạng sức khỏe tâm thần của cụ L<sup>2</sup>, còn tờ kia thì không nên có sự bất nhất, vì vậy không đủ cơ sở để xác định giấy tờ này hợp pháp; Cụ L<sup>2</sup> là người không biết chữ nhưng di chúc không có người làm chứng và ghi là cụ L<sup>2</sup> đã đọc lại nội dung di chúc là không đúng sự thật, vợ chồng cùng lập di chúc thì cả vợ và chồng đều phải biết nội dung di chúc, di chúc cũng không ghi là cụ L<sup>1</sup> đọc di chúc cho cụ L<sup>2</sup> nghe. Do đó, Di chúc ngày 08/6/2005 của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup> không đủ điều kiện để được coi là di chúc hợp pháp, nên đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật. Việc bà H yêu cầu chia cho anh K 01 kỷ phần cũng là hợp lý, nhưng việc này là do ông T quyết định có đồng ý với bà H hay không. Do di sản không thể chia bằng hiện vật cho tất cả những người thừa kế, nên đề nghị giao di sản cho ông T và ông T hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác.

Ông Nguyễn H<sup>1</sup> không đồng ý kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T. Vào năm 2010, ông T, ông T<sup>1</sup> khởi kiện bà L nhưng sau đó lại có đơn xin rút đơn khởi kiện, trong đơn này có nội dung nêu rõ công lao của bà L phụng dưỡng cha mẹ nên cha mẹ lập di chúc cho bà L là đúng. Do đó, Di chúc ngày 08/6/2005 của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup> là đúng quy định về hình thức và nội dung. Đề nghị chia thừa kế theo di chúc, giao di sản bằng hiện vật cho bà L thì bà L hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác các kháng cáo nhưng do có thay đổi về giá của di sản, nên sửa Bản án sơ thẩm cho phù hợp với kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 120/15/08/2023/TĐG-BDS ngày 15/8/2023 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Hồng Đức.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H và đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, những đương sự vắng mặt đều là những người không có kháng cáo và việc vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện và các bên đương sự đều thừa nhận cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup> và cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> có 05 người con chung, gồm các ông, bà: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup> và Nguyễn Thị Thu T<sup>2</sup>.

Tài sản của cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> có căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 168 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 163,6 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại số 5/3 khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương do hộ cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 875501, số vào sổ 2397 QSDĐ/CQ-ĐH ngày 10/5/2000, cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị L vào ngày 22/3/2007.

Cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> chết ngày 01/9/2005, cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup> chết ngày 16/02/2007.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L xuất trình Tờ Di chúc lập ngày 08/6/2005, ghi tên người lập di chúc là cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> và cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup>, được Chủ

tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa chứng thực ngày 08/6/2005, có nội dung để lại toàn bộ tài sản của hai cụ cho bà Nguyễn Thị L sở hữu, sử dụng, lo thang thuốc cho hai cụ khi ốm đau, lo ma chay khi hai cụ qua đời... Nếu hoàn cảnh khó khăn thì có quyền bán nhà, đất chia thành 8 phần chia cho mỗi người con 1 phần, 3 phần còn lại thì bà L được hưởng vì có công chăm sóc, nuôi dưỡng hai cụ, bà L trích ra cho cháu ngoại Nguyễn Tuấn K 5.000.000 đồng.

Các ông, bà: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup> trình bày là bà L gian dối, nói lập tờ ủy quyền nhưng lại lập tờ di chúc; cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup> và cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> đều không biết chữ nhưng di chúc không thể hiện người viết hộ; cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> không có đến Ủy ban nhân dân xã, cụ L<sup>2</sup> đã trên 80 tuổi, bị liệt 02 năm, gãy chân, không nói được, nhưng Ủy ban nhân dân xã lại chứng thực vào di chúc là không đúng; Đơn xin giám định sức khỏe không có chữ ký của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup>; Trung tâm y tế cấp huyện không có thẩm quyền giám định tâm thần cho người lập di chúc; bác sĩ giám định tâm thần không có bằng cấp chuyên môn về tâm thần; khi hai cụ lập di chúc chỉ có bà L biết, trong khi 04 người con còn lại không ai hay biết việc hai cụ lập di chúc... Từ đó yêu cầu hủy Tờ di chúc và chia thừa kế theo pháp luật.

### **[3] Xét tính hợp pháp Tờ Di chúc lập ngày 08/6/2005:**

**[3.1]** Tờ Di chúc được đánh máy 02 trang giấy A4, ghi tên người lập di chúc là Nguyễn Thị L<sup>2</sup>, Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup> có điểm chỉ, ký tên, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa chứng thực ngày 08/6/2005; Phiếu khám sức khỏe ngày 08/6/2005 của Trung tâm y tế huyện (nay là thị xã) Dĩ An kết luận cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> đủ minh mẫn để lập di chúc.

**[3.2]** Tại Biên bản xác minh ngày 13/3/2019, Trung tâm Y tế huyện (nay là thị xã) Dĩ An xác định: Phía trước của Phiếu khám sức khỏe có đóng dấu mộc của Hội đồng Y khoa tỉnh Bình Dương, phía sau có đóng dấu mộc của Trung tâm Y tế huyện Dĩ An là vì Phiếu này do Hội đồng Y khoa tỉnh Bình Dương bán mẫu (có đóng dấu treo của Hội đồng Y khoa tỉnh Bình Dương), Trung tâm Y tế huyện Dĩ An đã sử dụng mẫu này để khám cho cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> và đóng dấu xác nhận của Trung tâm Y tế huyện Dĩ An. Tuy Phiếu không có chữ ký của cụ L<sup>2</sup>, nhưng Phiếu có dán ảnh của cụ L<sup>2</sup>, chứng tỏ cụ L<sup>2</sup> đã được khám theo Phiếu này. Phiếu khám sức khỏe đã được thực hiện đúng quy trình với đầy đủ các chuyên khoa khám và có xác nhận của bác sĩ.

**[3.3]** Di chúc ngày 08/6/2005 là của hai cụ lập chung, tuy cụ L<sup>2</sup> không biết chữ, nhưng cụ L<sup>1</sup> là người biết chữ; Pháp luật không có quy định khi lập di chúc phải có mặt tất cả những người thừa kế của người lập di chúc, nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của các nguyên đơn để yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp.



**[3.4]** Như vậy, có căn cứ để xác định cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> và cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup> đã lập Tờ Di chúc ngày 08/6/2005 theo đúng quy định tại các điều: 655, 656, 660, 661 Bộ luật dân sự năm 1995 (Luật có hiệu lực pháp luật tại thời điểm lập di chúc), nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu hủy di chúc nêu trên.

**[3.5]** Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án còn có Tờ di chúc viết tay ngày 16/6/2005 và đơn yêu cầu điều chỉnh di chúc ngày 13/6/2005. Ông Phạm Văn N khai ông là người viết hai văn bản này cho cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> ký tên, nhưng tại Biên bản ngày 08/3/2019, ông N không yêu cầu công nhận và thực hiện theo 02 văn bản này, nên không có căn cứ để cập giải quyết.

**[4]** Bản án sơ thẩm đã chia thừa kế theo di chúc, giao di sản và tài sản trên đất cho bà L quản lý, sử dụng, sở hữu, buộc bà L hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác và hoàn trả giá trị phần tài sản do ông Nguyễn Ngọc T xây dựng sau thời điểm mở thừa kế, là phù hợp với ý chí của cụ L<sup>2</sup>, cụ L<sup>1</sup>, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà H và ông T yêu cầu giao di sản cho ông T quản lý, sử dụng.

**[5]** Thực hiện ủy thác của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 11/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã lập Biên bản định giá tài sản thì các bên đương sự đều xác định căn nhà do cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> xây dựng không còn, nên không định giá; Phần nhà ông Nguyễn Ngọc T xây dựng sau thời điểm hai cụ chết thì ông T không đồng ý cho định giá và đóng cửa nên không định giá được; phần diện tích đất theo Chứng thư thẩm định giá số 120/15/08/2023/TĐG-BDS ngày 15/8/2023 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Hồng Đức xác định 54.010.000 đồng/m<sup>2</sup>. Giá trị diện tích 163,6 m<sup>2</sup> là 8.836.036.000 đồng.

Như vậy, di sản của cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> có giá trị là 8.836.036.000 đồng;

Do ông T không hợp tác, nên sử dụng kết quả định giá ngày 12/3/2019 để xác định giá trị phần nhà ông T xây thêm là 346.162.000 đồng.

**[6]** Di sản của cụ L<sup>1</sup> và cụ L<sup>2</sup> là 8.836.036.000 đồng, chia thành 08 phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 1.104.504.500 đồng. các ông, bà: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thu T<sup>2</sup> mỗi người hưởng 01 kỷ phần là 1.104.504.500 đồng; Bà Nguyễn Thị L được hưởng tất cả phần còn lại là 4.418.018.000 đồng; Bà L có trách nhiệm giao cho anh Nguyễn Tuấn K 5.000.000 đồng.

Diện tích đất có chiều ngang hẹp (chỉ 3,62 mét - 3,65 mét), không đủ kích thước để chia thừa kế bằng hiện vật; đồng thời phần nhà ông T xây dựng trên đất kiên cố, nếu di dời sẽ gây lãng phí không cần thiết, nên giao cho bà L được quyền quản lý, sử dụng di sản của cụ L<sup>1</sup>, cụ L<sup>2</sup> và được quyền sở hữu, sử dụng phần nhà ông T xây dựng trên đất; Bà L có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần

thừa kế cho các ông, bà: H, T, T<sup>1</sup>, T<sup>2</sup> và hoàn trả cho ông T giá trị phần nhà ông T đã xây dựng trên đất; đồng thời giao cho anh K số tiền 5.000.000 đồng.

[7] Từ các phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của các ông, bà: Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị Thu H, cùng một phần ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà H, ông T<sup>1</sup>, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[8] Về chi phí giám định, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và ủy thác tư pháp: Căn cứ các điều: 153, 154, 157, 161, 162, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm là 5.303.738 đồng, tại cấp phúc thẩm là 25.000.000 đồng; Chi phí ủy thác ra nước ngoài là 4.500.000 đồng. Tổng cộng 34.803.738 đồng, các ông, bà: H, T, T<sup>1</sup>, T<sup>2</sup> mỗi người phải chịu 4.350.467 đồng, phần còn lại bà L phải chịu. Do bà H, ông T<sup>1</sup> đã nộp đủ 34.803.738 đồng, nên ông T và bà T<sup>2</sup> mỗi người phải nộp 4.350.467 đồng, bà L phải nộp 17.401.869 đồng, để hoàn trả lại cho bà H, ông T<sup>1</sup>.

[9] Án phí: Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[9.1] Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Các ông, bà: H, T<sup>1</sup>, L là người cao tuổi nên được miễn án phí;

Ông T và bà T<sup>2</sup> mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được hưởng thừa kế là 1.104.504.500 đồng, với số tiền án phí là 45.135.135 đồng (làm tròn 45.135.000 đồng), anh K phải chịu 300.000 đồng;

[9.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 12, 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**2.** Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, như sau:

**2.1.** Không chấp nhận một phần khởi kiện của các ông, bà: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup> về yêu cầu hủy Di chúc do cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup> và cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> lập ngày 08/6/2005;

**2.2.** Chấp nhận một phần khởi kiện của các ông, bà: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup> về yêu cầu chia thừa kế; Chia di sản của cụ Nguyễn Ngọc L<sup>1</sup>, cụ Nguyễn Thị L<sup>2</sup> theo di chúc lập ngày 08/6/2005, như sau:

**2.2.1.** Giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng Thửa đất số 80, Tờ bản đồ số 8, diện tích 168 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 163,6 m<sup>2</sup>) và được quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên đất bao gồm: 01 căn nhà tường, vách gạch, ốp gạch tường, nền gạch (có gác lửng), mái tole có diện tích 69,3 m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh ốp gạch tường, nền gạch, mái tole có diện tích 09 m<sup>2</sup>; mái che, ống sắt, nền gạch, không vách có diện tích 50,4 m<sup>2</sup>; 01 giếng khoan; 01 công tơ điện, tọa lạc tại 5/3 khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới, diện tích Thửa đất số 80 nêu trên được xác định theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Dương lập (bút lục số 59).

**2.2.2.** Buộc ông Nguyễn Ngọc T giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 168 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 163,6 m<sup>2</sup>) và giao cho bà L sở hữu các tài sản của ông T đã xây dựng gắn liền trên đất bao gồm: 01 căn nhà tường, vách gạch, ốp gạch tường, nền gạch (có gác lửng), mái tole có diện tích 69,3 m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh ốp gạch tường, nền gạch, mái tole có diện tích 09 m<sup>2</sup>; mái che, ống sắt, nền gạch, không vách có diện tích 50,4 m<sup>2</sup>; 01 giếng khoan; 01 công tơ điện, tọa lạc tại 5/3 khu phố Tân Quý, phường Đông Hòa, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Ngọc T được lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài sản trên đất nêu trên được xác định theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2018 (bút lục số 562, 563).

**2.2.3.** Buộc bà Nguyễn Thị L hoàn trả cho mỗi ông, bà: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thu T<sup>2</sup> là 1.104.504.500 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ bốn triệu năm trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng*)/người.

Buộc bà Nguyễn Thị L hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc T 1.104.504.500 đồng và 346.162.000 đồng. Tổng cộng 1.450.666.500 đồng (*Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị L giao cho anh Nguyễn Tuấn K 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Phần còn lại của di sản có giá trị 4.418.018.000 đồng, bà Nguyễn Thị L được hưởng.

**2.2.4.** Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, ủy thác tư pháp:

**2.2.5.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông, bà: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc T<sup>1</sup>, Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 009053 ngày 03/01/2008 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu T<sup>2</sup> mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 45.135.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng*)/người;

Anh Nguyễn Tuấn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

**3.** Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0027118 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

**4.** Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.**

**6.**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**